TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2017/ DS-PT
Ngày: 07 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Bà Ngô Thị Minh Trang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tô Mộng T, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lý Thị Hồng N (Con bà T), sinh năm: 1989 là đại diện theo giấy ủy quyền ngày 10/5/2017 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp L, xã S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị L, sinh năm 1963**;** (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông NLQ1, sinh năm: 1963 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã S, huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bà Dương Thị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Tô Mộng T trình bày: Vào ngày 10/5/2012 âm lịch (nhằm ngày 28/6/2012 dl), bà Dương Thị L vay của bà số T 47.000.000 đồng. Lãi suất thỏa thuận là 3%/ tháng, bà L cam kết đến ngày 15/7/2012 al (tức ngày 26/8/2012 dl) sẽ hoàn trả tiền vay. Nhưng bà L không trả nợ theo thỏa thuận. Khoản nợ này cho đến nay bà L chưa đóng lãi cho bà lần nào và cũng chưa thanh toán tiền gốc.

Việc bà L vay tiền của bà có chồng bà L là ông NLQ1 biết và chính chồng bà L hứa bán đất trả nợ cho bà nhiều lần nhưng không thực hiện.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Dương Thị L, ông NLQ1 trả cho bà số tiền vay gốc là 47.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày vay 26/8/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,1%/ tháng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu gì thêm.

Bà Dương Thị L trình bày Vào ngày 24/7/2011 âm lịch, bà vay tiền của bà Tô Mộng T 3.000.000 đồng; đến ngày 24/8/2011 âm lịch, bà vay thêm của bà Tô Mộng T số tiền 45.000.000 đồng, tổng cộng hai lần bà vay của bà T 48.000.000 đồng. Số tiền này, bà T tính lãi từ ngày vay cho đến ngày 10/5/2012 là 41.310.000 đồng. Trong quá trình vay cho đến ngày 10/05/2012 âm lịch, bà trả cho bà T được 05 lần tiền lãi với tổng số T 42.000.000 đồng, nhưng khi trả tiền bà không có bắt bà T viết biên nhận. Số tiền lãi trên bà T tính tròn 41.000.000 đồng. Sau khi cấn trừ tiền lãi bà còn thiếu thì còn thừa lại 1.000.000 đồng. Bà T trừ số tiền thừa này vào tiền gốc. Như vậy, số tiền gốc còn lại là 47.000.000 đồng và bà đã viết biên nhận ngày 10/05/2012 âm lịch thể hiện việc vay của bà T số tiền 47.000.000 đồng.

Số tiền bà vay của bà T đem về cho người khác vay lại, nay bà bị giật nợ nên không có tiền trả cho bà T. Bà đồng ý trả cho bà T số tiền gốc là 47.000.000 đồng,

xin trả dần mỗi năm 3.000.000 đồng. Trường hợp bà T không đồng ý thì bà yêu cầu tính lại tiền lãi mà bà đã đóng cho bà T theo quy định của pháp luật.

Ông NLQ1 trình bày: Việc vợ ông là bà Dương Thị L vay tiền của bà Tô Mộng T ông không biết. Đến khi bà T tới nhà đòi nợ thì ông mới biết. Ông không liên quan gì tới việc vay tiền giữa bà T với bà L.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Dương Thị L, ông NLQ1 phải trả cho bà Tô Mộng T tổng số tiền vay cả gốc và lãi là 76.986.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc là 47.000.000đ, tiền lãi là 29.986.000đ.

- Xử bác ý kiến trình bày của bà Dương Thị L cho rằng đã đóng lãi cho bà T số tiền là 42.000.000đ. Đồng thời xử bác ý kiến trình bày của bà L không đồng ý trả lãi cho bà T của số tiền vay là 47.000.000đ.

- Bác ý kiến trình bày của ông NLQ1 không ý cùng bà L trả nợ cho bà T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, Ngày 03/4/2017 Dương Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho bà trả dần nợ gốc cho bà T vì trong thời gian vay nợ bà đã trả lãi cho bà T rất nhiều và hiện nay hoàn cảnh gia đình bà gặp nhiều khó khăn về kinh tế.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phía bà L vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận cho bà trả dần khoản nợ vay gốc cho bà T.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Dương Thị L, sửa bản án sơ

thẩm về phần án phí sơ thẩm được xét miễn, giảm cho bà L do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét nội dung kháng cáo của bà L, Hội đồng xét xử xét về phía bà L trình bày thời điểm bà vay tiền của bà T là ngày 24/7/2011 âm lịch và vay nhiều lần tổng cộng 48.000.000 đồng kéo dài đến ngày 10/05/2012 âm lịch bà trả nợ cho bà T 42.000.000 đồng, trong đó, trả nợ tiền lãi 41.000.000 đồng, còn dư 1.000.000 đồng trừ vào khoản nợ vay gốc, nên bà còn nợ lại 47.000.000 đồng và có viết biên nhận nợ ngày 10/05/2012 âm lịch, còn phía bà T không thừa nhận lời trình bày của bà L mà bà cho rằng có cho bà L vay tiền vào ngày 10/05/2012 âm lịch số tiền cho vay 47.000.000 đồng với lãi suất 3%/ tháng và bà L có viết biên nhận nợ. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay phía bà L không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà vay nợ của bà T vào thời điểm ngày 24/7/2011 âm lịch, nên áp dụng Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử không có cơ sở pháp lý chấp nhận lời khai của bà L.

[2] Về phía nguyên đơn bà T cung cấp chứng cứ biên nhận nợ ngày 10/05/2012 âm lịch thể hiện nội dung bà L vay tiền của bà T số tiền 47.000.000 đồng, phía bà L thừa nhận chữ viết và chữ ký của mình trong biên nhận, nên áp dụng khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, thì vay nợ của bà L là có thật, bà T không cần phải chứng minh. Nay phía bà L kháng cáo xin trả dần khoản nợ vay gốc 47.000.000 đồng và không đồng ý trả lãi, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã động viên chị N là đại diện theo ủy quyền của bà T xem xét miễn, giảm lãi suất cho bà L nhưng chị N không đồng ý. Xét việc vay nợ phát sinh vào ngày 10/05/2012 âm lịch (tức ngày 28/6/2012 dương lịch) và thõa thuận trả nợ vào ngày 15/7/2012 âm lịch (tức ngày 26/8/2012 dương lịch), nhưng phía bà L không thực hiện thõa thuận và đến ngày 13/12/2013 bà L tiếp tục làm tờ cam kết trả nợ cho bà T, nên thời hiệu khoản tiền vay tính từ ngày bà L cam kết trả nợ sau này vẫn còn, ngoài ra các bên

cũng không yêu cầu áp dụng thời hiệu tại giai đoạn xét xử sơ thẩm. Việc bà L cho rằng đã trả tiền lãi nhiều cho bà T nay không đồng ý trả lãi nữa, nhưng bà không chứng minh được việc trả lãi nhiều, nên không có cơ sở pháp lý chấp nhận nội dung kháng cáo của bà L.

[3] Đối với lời trình bày của Ông NLQ1 không đồng ý trả nợ cùng với vợ ông, vì ông không biết khoản nợ vay này, nhưng do ông không có đơn kháng cáo nên căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, phía bà L có đơn xin miễn, giảm tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế gia đình đặc biệt khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, do vụ án thụ lý dân sự sơ thẩm trước ngày 01/01/2017, áp dụng Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009, Hội đồng xét xử giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm bà L phải nộp, cụ thể vợ chồng bà L, Ông NLQ1 có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm được giảm như sau:

3.849.000 đồng x 50% = 1.924.500 đồng.

Từ cơ sở nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Dương Thị L, sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần tiền án phí được xét giảm.

Về án phí dân sự phúc thẩm, phía bà L không phải nộp 300.000 đồng do Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần tiền án phí được xét giảm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, khoản 1, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của Dương Thị L.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Mộng T.

1. Buộc vợ chồng bà Dương Thị L, ông NLQ1 có nghĩa vụ liên đới phải trả cho bà Tô Mộng T tổng số tiền vay cả gốc và lãi là 76.986.000đ (Bảy mươi sáu triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng). Trong đó, tiền gốc là 47.000.000đ, tiền lãi là 29.986.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L, ông NLQ1 chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì bà L, ông NLQ1 còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2, Điều 468 BLDS năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án, của số tiền phải thi hành án.

2. Về án phí dân sự

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng bà Dương Thị L, ông NLQ1 liên đới nộp án phí giá ngạch được xét giảm bằng số tiền: 1.924.500 đồng (một triệu chín trăm hai mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Tô Mộng T đã nộp 500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003588 ngày 14/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kiên Giang,

- Án phí dân sự phúc thẩm: bà L không phải nộp 300.000 đồng, hoàn trả tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004975 ngày 17/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Đ;
- THA dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhiên **Ngô Thị Minh Trang** **Lê Lâm Sơn**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Phú Quốc;
- THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tấn **Phạm Đình Thi** **Lê Lâm Sơn**